TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36a/2019/DS-ST
Ngày: 26-12-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thanh Học.

2. Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2019/TLST- DS, ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56a/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Trụ sở: Số M, đường T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S. Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh Kiên Giang.

Địa chỉ: đường Tr, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: ông Trương Quốc H, sinh năm 1993. Chức vụ: Tổ KHCN PGD H- Chi nhánh Kiên Giang (Quyết định ủy quyền tham gia số 614/2019/QĐ-LPB.KG ngày 24/06/2019 của Ngân hàng TMCP B-chi nhánh Kiên Giang). (có mặt)

Địa chỉ: Số B, đường T, khu phố M, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên

Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ H, ấp H, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/4/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Ngân hàng TMCP B trình bày: Vào ngày 08/6/2017 bà Nguyễn Thị M có ký hợp đồng tín dụng số HD0107061870 với Ngân hàng TMCP B để vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, ngày đến hạn 08/06/2022, lãi suất là 12,7%/năm. Từ ngày 15/01/2018, bà M không thanh toán cho Ngân hàng theo định kỳ như hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn, ngày 11/4/2019 ngân hàng tiến hàng khởi kiện bà M. Tính đến ngày 26/12/2019 bà M còn nợ ngân hàng số tiền 92.934.564đ, trong đó vốn gốc 74.565.375đ, lãi quá hạn 18.103.189đ. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M thanh toán số nợ là 92.934.564đ cho Ngân hàng và yêu cầu tính lãi theo hợp đồng từ ngày 27/12/2019 cho đến khi thanh toán hết số nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và quá trình tranh luận tại phiên tòa, xét thất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà M phải thanh toán cho ngân hàng số tiền 92.934.564đ, trong đó vốn gốc 74.565.375đ, lãi quá hạn 18.103.189đ và lãi suất theo hợp đồng từ ngày 27/12/2019 cho đến khi trả hết nợ. Về án phí dân sự sơ thẩm buộc bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng. Trong vụ án này bị đơn bà Nguyễn Thị M cư trú tại ấp H, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong thời gian thụ lý giải quyết, bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập tham gia phiên hợp bà M đều vắng mặt, ngày 15/11/2019 Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp về

việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và ghi nhận ý kiến của Ngân hàng, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà M. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vào ngày 09/12/2019 nhưng bị đơn là bà M vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên phiên tòa phải hoãn và ấn định xét xử lại vào ngày hôm nay là ngày 26/12/2019 theo quyết định hoãn phiên Tòa số 56a/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019, bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên Tòa lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Xét thấy, khoản vay tín dụng 150.000.000đ, bà M phải trả vốn gốc hàng kỳ (mỗi tháng) 2.500.000đ, lãi suất trong hạn mỗi kỳ tính theo dư nợ gốc, vào ngày 15 hàng tháng, nhưng bà M không thực hiện đúng theo hợp đồng. Bà M thanh toán cho ngân hàng như sau: Ngày 24/7/2017 đã trả gốc 2.500.000đ, tiền lãi 1.927.083đ; ngày 24/8/2017 đã trả gốc 2.500.000đ, tiền lãi 1.587.674đ; ngày 14/12/2017 đã trả gốc 2.500.000đ, tiền lãi 1.560.764đ; ngày 17/01/2018 đã trả gốc 2.500.000đ, tiền lãi 11.533.854đ; ngày 12/02/2018 đã trả gốc 2.500.000đ, tiền lãi 1.458.333đ; ngày 12/3/2018 đã trả gốc 2.500.000đ, tiền lãi 1.432.292đ; ngày 20/02/2019 đã trả gốc 60.434.625đ (thanh toán kỳ 15/01/2018 đến kỳ ngày 15/01/2020); ngày 15/11/2019 đã trả lãi 14.000.000đ (trả lãi cho các kỳ từ ngày 15/01/2018 đến kỳ ngày 15/11/2018). Do bà M không thanh toán đúng hạn như hợp đồng đã ký kết nên từ ngày 15/01/2018 ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn, bà M có thanh toán cho ngân hàng đến kỳ phải thanh toán là 15/01/2020 nhưng do bà M đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà M phải thanh toán hết số nợ còn gốc còn lại của hợp đồng là 74.565.375đ , tiền lãi quá hạn là 11.917.496đ, tiền lãi phạt của số tiền gốc chậm thanh toán tính từ ngày 15/01/2018 đến ngày 20/02/2019 là 3.440.133đ, tiền lãi phạt của chậm trả lãi từ ngày 15/01/2018 đến ngày 26/12/2019 là 2.745.559đ, tổng các khoản lãi tính đến ngày 26/12/2019 là 18.103.1989đ.

[4] Do bà M đã vi phạm hợp đồng, nghị cần buộc bà M thanh toán cho Ngân hàng TMCP B, khoản vay theo hợp đồng tín dụng số HD0107061870 đến ngày 26/12/2019 là 92.934.564đ, trong đó vốn gốc 74.565.375đ, lãi quá hạn 18.103.189đ và lãi suất quá hạn theo hợp đồng từ ngày 27/12/2019 cho đến khi trả hết nợ, bà M còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo hợp đồng từ ngày 27/12/2019 cho đến khi thi hành xong.

Về án phí: Áp dụng các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 429, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức dụng; Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 92.934.564đ (chín mươi hai triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó vốn gốc 74.565.375đ (bảy mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng), lãi quá hạn 18.103.189đ (mười tám triệu một trăm lẻ ba nghìn một trăm tám mươi chín đồng), bà M còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo hợp đồng từ ngày 27/12/2019 cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.646.728đ (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng).

Trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.476.634đ (hai triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009017 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà M vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Giang Phước Thành